

Bản án số: 435/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 16/4/2025

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Tứ Nhị

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Huệ

2. Ông Nguyễn Văn Soan

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tú – Thư ký Toà án Gò Vấp

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Cẩm Thu – Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Gò Vấp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1238/2024/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2024 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2025/QĐXX - ST ngày 21/02/2025 (Quyết định hoãn phiên tòa số 60/2025/QĐHPT – ST ngày 21/3/2025), giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 1984

Địa chỉ: quận Gò Vấp, TPHCM

Bị đơn: Ông Nguyễn Minh H, sinh năm 1985

Địa chỉ: quận Gò Vấp, TPHCM

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Bích T và các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ thể hiện:

Bà Nguyễn Thị Bích T và ông Nguyễn Minh H chung sống tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 12/2013, quyển số 01/2013, do Ủy ban nhân dân thị trấn Chợ Lầu, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận cấp ngày 18/02/2013. Ông bà chung sống có hai con chung tên Nguyễn Ngọc Cát T, sinh ngày 26/3/2015 và Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 07/12/2021. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc từ khi ông H có những hành động vũ phu lúc bà T mang thai con thứ hai. Bà nhẫn nhịn, chịu đựng đến nay là hơn 10 năm. Cả hai không còn tiếng nói chung trong những việc lớn nhỏ của gia đình. Mạnh ai nấy sống theo cách riêng của mình. Ông H thường xuyên đi công tác xa gia đình, khi về nhà thì về

khuya, nhậu nhẹt không chăm lo cho gia đình, con cái. Cuộc sống như thế kéo dài quá lâu, bà T là người quán xuyến hết tất cả mọi thứ nên ức chế, bất mãn từ việc sống vô trách nhiệm của ông H. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà T khởi kiện yêu cầu ly hôn ông H để ổn định cuộc sống của mình và các con. Bà T đề nghị được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung không có.

Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đến tòa án làm bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông H liên tục vắng mặt.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có đơn xin vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như nêu trên. Bị đơn vắng mặt không ghi nhận được ý kiến.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự. Thụ lý đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp. Tổng đạt cho đương sự, tiến hành phiên hòa giải, đưa vụ án ra xét xử, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát đảm bảo thời hạn nghiên cứu theo quy định tại các Điều 175, 208, 203, 220, 233 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Hội đồng xét xử và Thư ký tại phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71; Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Kết quả thu thập tài liệu chứng cứ về tình trạng cư trú của bị đơn thể hiện bị đơn có đăng ký thường trú tại địa chỉ nguyên đơn cung cấp. Bị đơn biết việc ly hôn nhưng không đến tòa án để giải quyết vụ kiện. Không cùng chung sống xây dựng hạnh phúc với nguyên đơn, không cùng nguyên đơn chăm sóc con chung, không quan tâm cuộc sống gia đình, chứng tỏ mối quan hệ hôn nhân giữa các đương sự đã đến mức trầm trọng không thể hàn gắn. Do đó, có căn cứ để chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn theo quy định tại Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1]. *Về tố tụng:*

1.1 Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:

Các đương sự thương yêu, tìm hiểu và tự nguyện sống chung có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 12/2013, quyển số 01/2013, do Ủy ban nhân dân thị trấn Chợ Lầu, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận cấp ngày 18/02/2013. Nay có yêu cầu ly hôn, xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được điều chỉnh bởi Luật hôn nhân và gia đình.

Bị đơn có nơi ở tại địa chỉ quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh. Nguyên đơn đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của bị đơn, phù hợp tài liệu chứng cứ Tòa án thu thập theo Thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư của công dân Nguyễn Minh H. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

1.2 Về người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn có đề nghị vắng mặt tại phiên tòa phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các quy định tại khoản 4 Điều 91; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét yêu cầu của các đương sự:

2.1 Về mâu thuẫn vợ chồng: Nguyên đơn khai mâu thuẫn vợ chồng bắt đầu từ khi mang thai con thứ hai, kéo dài đến hiện tại do bị đơn sống thiếu trách nhiệm đối với gia đình, vợ con. Cả hai không còn tiếng nói chung, mạnh ai nấy sống theo cách riêng của mình. Bị đơn thường xuyên sống xa nhà, bỏ mặc nguyên đơn quán xuyến hết tất cả mọi thứ trong gia đình. Nguyên đơn xác định tình cảm vợ chồng dành cho bị đơn không còn nên yêu cầu ly hôn để ổn định cuộc sống của mình.

Trước khi khởi kiện, nguyên đơn đã nộp hồ sơ yêu cầu hòa giải đối thoại. Quá trình hòa giải đối thoại, bị đơn được thông báo nhưng không đến để hòa giải.

Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án trình bày ý kiến, bị đơn đã tước bỏ quyền được chứng minh của mình, bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh. Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân và gia đình là phải xây dựng trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng; Các thành viên gia đình có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau. Việc nguyên đơn xác định tình cảm vợ chồng dành cho bị đơn không còn nên yêu cầu ly hôn thể hiện sự tự nguyện xây dựng hôn nhân gia đình không còn nữa. Bị đơn không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, chia sẻ việc gia đình, con cái với nguyên đơn, không đến Tòa án để giải quyết vụ án cho thấy bị đơn không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình, bỏ mặc hôn nhân và gia đình của mình. Cuộc sống hôn nhân của các đương sự lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên ly hôn là giải pháp tốt nhất để cả hai tự ổn định cuộc sống riêng của mình. Vì vậy, xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở và phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

2.2 Về con chung: Có hai con chung tên Nguyễn Ngọc Cát T, sinh ngày 26/3/2015 và Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 07/12/2021. Nguyên đơn đề nghị được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con.

Quá trình chuẩn bị xét xử, bị đơn vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn về con chung. Tòa án ghi nhận được trẻ Nguyễn Ngọc Cát T có nguyện vọng muốn tiếp tục chung sống với mẹ. Nguyên đơn đồng thời đang trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Nguyễn Minh Đ. Do đó, việc nguyên đơn đề nghị được nuôi dưỡng cả hai con chung là phù hợp với nguyện vọng của con và vì quyền lợi của trẻ em nên việc giao hai con cho nguyên đơn trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành là cần thiết và phù hợp với quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình. Đề nghị của nguyên đơn có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con; Hội đồng xét xử xét thấy để bảo vệ quyền lợi của trẻ em, nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với bị đơn cho đến khi nguyên đơn có yêu cầu.

2.3 Về tài sản chung: Nguyên đơn khai không có tài sản chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[3] *Quyền kháng cáo*: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[4] Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tại phiên tòa là phù hợp với phần nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 và khoản 4 Điều 91; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 6, 7, 9 và 30 Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Bích T được ly hôn ông Nguyễn Minh H. Giấy chứng nhận kết hôn số 12/2013, quyền số 01/2013, do Ủy ban nhân dân thị trấn Chợ Lầu, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận cấp ngày 18/02/2013 không còn hiệu lực.

2/ Về con chung: Giao bà Nguyễn Thị Bích T quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung tên Nguyễn Ngọc Cát T, sinh ngày 26/3/2015 và Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 07/12/2021 cho đến khi trưởng thành.

Ông Nguyễn Minh H không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của người không trực tiếp nuôi con.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với ông Nguyễn Minh H cho đến khi bà Nguyễn Thị Bích T có yêu cầu. Các đương sự tự thỏa thuận về cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

3/ Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

4/ Về án phí: Án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) do bà Nguyễn Thị Bích T chịu, nhưng được cân trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) bà T đã tạm nộp án phí theo biên lai thu số 0014638 ngày 14/10/2024 của Chi cục Thi hành án quận Gò Vấp. Bà Nguyễn Thị Bích T đã nộp đủ án phí.

5/ Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

6/ Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- VKSNDQGV;
- CCTHADS QGV;
- Nơi cấp GCNKH;
- Đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Lê Tứ Nhị